Tuần 2 – Tiết 7***-*TỪ MƯỢN**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**: Giúp học sinh:

- Hiểu rõ thế nào là từ mượn, hai hình thức vay mượn. Tích hợp với phần Văn ở truyền thuyết *Con Rồng, cháu Tiên; Thánh Gióng.*

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng từ mượn khi nói và viết.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức trong việc sử dụng từ vay mượn.

***4. Năng lực:***

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học,tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mỹ, hợp tác, cảm thụ, sử dụng ngôn ngữ

*\* Năng lực riêng:*

- Đọc, tự nhận thức, phát hiện vấn đề.

- Vận dụng trong đúng trong giao tiếp và thực hành

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Nghiên cứu bài. Soạn bài chu đáo. một số ví dụ.

**2. Học sinh:** Học bài. Đọc trước bài để tiếp thu dễ hơn.

**3. Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm…

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết dạy

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)** | | |
| - GV đưa ra 5 câu, yêu cầu học sinh chỉ ra những câu đang có sự kết hợp giữa ngôn ngữ VN và nước ngoài  - Tớ đang học bài.  - Cậu đi chơi game không?  - Hôm nay, tiết kiểm tra tớ die rồi.  - Con đi shopping với mẹ không?  - Cô ấy có dung nhan thật là lộng lẫy!  GV giới thiệu bài học:  ***\**** Đời sống xã hội ngày càng phát triển, các nước trên thế giới cần phải giao lưu với nhau trên mọi lĩnh vực. Cho nên, trong khi giao tiếp, thường sử dụng tiếng Việt, nhưng cũng có lúc phải vay mượn tiếng nước ngoài. Vậy vì sao phải vay mượn? Vay mượn nước nào? Nó có tác dụng gì? Nội dung của bài học giúp chúng ta hiểu thêm. | - Hs trả lời |  |
| 1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20 – 25 phút)** | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu từ thuần Việt và từ mượn.**  - GV: Dùng bảng phụ ghi VD.  Các em theo dõi vào vd, đặc biệt chú ý vào những từ cô giáo đã gạch chân.  ? Đọc 2 từ này lên em có hiểu nghĩa của chúng là gì không?  - Không (có hiểu nhưng chưa rõ nghĩa)  ? Vậy theo em, muốn hiểu nghĩa của chúng thì chúng ta phải làm gì?  - Cần giải thích.  ? Dựa vào chú thích bài Thánh Gióng, em hãy giải thích từ *trượng*, *tráng sĩ*?  - Trượng: Đơn vị đo độ dài bằng 10 thước cổ Trung Quốc (tức 3,33m) ở đây hiểu là rất cao.  - Tráng sĩ: người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn.  (Tráng: khỏe mạnh, to lớn, cường tráng; Sĩ: Người tri thức thời xưa và những người được tôn trọng nói chung).  ? Theo em, 2 từ này dùng để biểu hiện điều gì?  - Biểu thị sự vật, hiện tượng, đặc điểm.  Giáo viên chốt : 2 từ mượn được dùng ở đây rất phù hợp tạo nên sắc thái trang trọng cho câu văn  ? Đọc các từ này các em phải đi tìm hiểu nghĩa của nó. Vậy theo em, chúng có nằm trong nhóm từ do cha ông ta sáng tạo ra hay không?  - Không, đó là từ mượn.  ? Các từ này được bắt nguồn từ đâu?  ( Các em có hay đọc truyện, xem phim TQ không? Chúng ta có gặp 2 từ này trong lời thuyết minh hay đối thoại giữa các nhân vật không?)  - Là những từ mượn Tiếng Hán  Gv: Các từ này mượn từ tiếng Trung Quốc cổ, được đọc theo cách phát âm của người Việt nên gọi là từ Hán Việt.  ? Các từ còn lại trong ví dụ thuộc lớp từ nào?  - Thuần Việt.  ? Từ ví dụ vừa tìm hiểu, em thấy nguồn gốc tiếng Việt có mấy lớp từ?  - Có hai lớp từ: Đó là từ thuần Việt và từ mượn.  ? Từ thuần Việt do ai sáng tạo ra?  - Do nhân dân tự sáng tạo ra.  ? Thế nào là từ mượn?  - Là từ chúng ta vay mượn của tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm… mà tiếng Việt chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.  Gv: Trong quá trình giao lưu văn hóa, chính trị, kinh tế, sự tiếp xúc ngôn ngữ giữa dân tộc này với dân tộc khác là đương nhiên, trong quá trình đó, ngôn ngữ này vay mượn của ngôn ngữ khác để làm già cho tiếng của mình, nhằm diễn đạt đầy đủ chính xác suy nghĩ của con người. Quá trình đó xảy ra liên tục, tuy nhiên khi các từ được vay mượn có hiện tượng nhập gia tùy tục, nghĩa là có ân thanh và ngữ pháp phù hợp với hệ thống ngôn ngữ của mình.  BT nhanh:  GV giảng: Từ mượn là những từ ngữ có nguồn gốc từ nước ngoài, từ mượn có phạm vi ở nhiều nước khác nhau ( Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, nhưng mượn tiếng Trung Quốc là nhiều nhất).  Gv: Treo bảng phụ có ghi các từ sau và gọi HS đọc: sư giả, tivi, xà phòng, buồm, mít tinh, ra-đi-ô, gan, điện, ga, bơm, Xô viết, giang sơn, in-tơ-nét  ? Trong các từ trên, từ nào được mượn từ tiếng Hán? những từ nào được mược từ các ngôn ngữ khác?  - Từ mượn tiếng Hán: Sứ giả, giang sơn,gan  - Từ mượn của ngôn ngữ Ấn, Âu nhưng đã được Việt hóa ở mức cao và được viết như chữ Việt: Ti vi, xà phòng, ga, bơm, điện, xô viết, ra đi ô, in tơ nét...  ? Em có nhận xét gì về số lượng từ Hán Việt có trong vốn từ thuần Việt?  - Chiếm số lượng lớn và là bộ phận quan trọng nhất.  ? Nhận xét về cách viết từ mượn?  - GV chốt rút ra ghi nhớ.  **Hoạt động 2: HDHS Tìm hiểu nguyên tắc mượn từ**  ? Em hiểu ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh ntn?  - Trong việc mượn từ chỉ khi tiếng ta không có hoặc khó dịch đúng thì mời mượn còn khi tiếng ta sẵn có không nên mượn một cách tuỳ tiện.  ? Hãy nêu mặt tích cực và mặt hạn chế của từ mượn?  - HS:  ? Vậy khi dùng từ mượn phải chú ý điều gì?  - GV chốt ra ghi nhớ | Hs đọc ví dụ trong SGK.  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  Hs trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - Hs trả lời  Hs trả lời  - Hs đọc  - HS trả lời  - Hs trả lời  - HS trả lời  - HS đọc ví dụ  - Hs trả lời  - HS trả lời  HS:  + Mặt tích cực làm cho ngôn ngữ dân tộc giàu có phong phú hơn.  + Mặt tiêu cực: làm cho ngôn ngữ dân tộc bị pha tạp nếu dùng tuỳ tiện.  - HS trả lời | **I. TỪ THUẦN VIỆT VÀ TỪ MƯỢN**  1. VD ( SGK)  - Trượng: Đơn vị đo = 10 thước Trung Quốc.  - Tráng Sĩ: người có sức lực cường tráng. chí khí mạnh hay làm việc lớn.    2. Nhận xét:  - Từ thuần Việt là những từ do nhân dân tự sáng tạo ra.  VD: ruộng, vườn, mình, đầu…  - Từ mượn là những từ có nguồn gốc nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm… mà tiếng Việt chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.  -> Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán (gồm từ gốc Hán và từ Hán Việt)  \* Cách viết.  - Từ mượn được Việt hoá cao khi viết, viết như từ thuần việt. VD: mít tinh, te nít, Xô viết..  - Từ mượn chưa được việt hoá cao viết nên dùng dấu gạch ngang để nối các tiếng:  VD: Ra- đi - ô, In - tơ - nét.  3. Ghi nhớ. (sgk)  3. Ghi nhớ. (sgk)  **II. NGUYÊN TẮC MƯỢN TỪ**  1. Ví dụ  2. Nhận xét  - Khi mượn từ cần chú ý không mượn một cách tuỳ tiện, những từ tiếng Việt không có hoặc dịch không đúng thì mượn. Những từ tiếng Việt có thì nên dùng TV.  3. Ghi nhớ ( SGK) |
| 1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (11 phút)** | | |
| **Hướng dẫn làm bài tập**  - GV: Gọi HS lên làm bài tập -> HS khác bổ sung  -> GV nhận xét, bổ sung  ? Phát hiện từ mượn và xác định nguồn gốc từ mượn đó?  ? Xác định nghĩa của tiếng tham gia tạo từ Hán Việt  ? Kể một số từ mượn  GV lưu ý HS: Các từ phôn, fan, nốc ao được dùng trong giao tiếp thân mật ( bạn bè và người thân....) cũng có thể trên báo nhưng ngắn gọn. Còn dùng trong giao tiếp chính thức không trang trọng, không phù hợp. Ưu điểm của các từ này là ngắn gọn. nhược điểm của chúng là không trang trọng, không phù hợp trong giao tiếp chính thức | - HS: Đọc và nêu yêu câu bài tập.  - HS trả lời | **III. LUYỆN TẬP**  **Bài 1:**  Từ Hán Việt: Vô cùng, ngạc nhiên, tự nhiên, sính lễ, gia nhân, quyết định, lãnh địa.  Tiếng Anh: Pốp, in - tơ - nét.  **Bài 2:**  a. Khán giả Khán: xem  Giả: người  b.Thính giả Thính: nghe  Giả: người  c. Độc giả  Độc: đọc  Giả: người  d. Yếu điểm Yếu: quan trọng  điểm: điểm  e. Yếu lược Yếu: quan trọng  Lược: tóm tắt  g. Yếu nhân Yếu: quan trọng  Nhân: người  Bài 3:  - Là đơn vị đo lường: mét, lít, ki-lô-mét, ki-lô-gam…  - Là tên các bộ phận của chiếc xe đạp: Ghi-đông, pê-đan, gác-đờ-bu…  - Là tên một số đồ vật: Ra-đi-ô, vi-ô-lông…  Bài 4: Các từ phôn, fan, nốc ao |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4 phút)** | | |
| Gv yêu cầu học sinh chỉ ra các từ mượn thường dùng trong học sinh, sinh viên hiện nay, đặt câu với mỗi từ đó? | - HS trả lời |  |
| Gv đưa một đoạn văn (có nhiều từ mượn), yêu cầu học sinh phát hiện từ mượn, thay từ mượn đó bằng từ thuần Việt (Phiếu BT) | - Hs thảo luận nhóm, làm bài |  |
| 1. **HOẠT ĐỘN TÌM TÒI, SÁNG TẠO (1 phút)** | | |
| **-** Học thuộc ghi nhớ và làm bài tập.  - Tra từ điển để xác định ý nghĩa của một số từ Hán Việt thông dụng.  - Đọc và nghiên cứu bài *Tìm hiểu chung về văn tự sự.* | - Hs luyện tập ở nhà |  |

**\* RÚT KINH NGHIỆM**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*